

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk
(Thực hiện theo Bản án hành chính số 26/2026/HC-PT, ngày 9/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hành chính số 104/2025/HC-ST, ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Lương Văn Nghi)
Kèm theo phương án số /PA ngày 29/7/2026 của UBND xã Ea Ô

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 461/QĐ-UBND ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT										
1	Hộ ông: Lương Văn Nghi vợ là Vi Thị Thuý địa chỉ thường trú: Thôn 7 (thôn 4 Cư Elang cũ), xã Ea Ôr, tỉnh Đắk Lắk									110.475.000	
1.1	Hỗ trợ về đất									110.475.000	
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 4/9	2009		m2	11.047,5	11.047,5	20.000	50%	110.475.000	
										110.475.000	
										110.475.000	
II	THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 461/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:										
1	Hộ ông: Lương Văn Nghi vợ là Vi Thị Thuý địa chỉ thường trú: Thôn 7 (thôn 4 Cư Elang cũ), xã Ea Ôr, tỉnh Đắk Lắk									176.760.000	Ghi chú
1.1	Hỗ trợ về đất									176.760.000	
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 4/9	T3/2004		m2	11.047,5	11.047,5	20.000	80%	176.760.000	Thực hiện theo bản án
										176.760.000	
										176.760.000	

STT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỷ lệ phần trăm còn lại (%)	Ti lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chỉnh/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hộ ông: Lương Văn Nghi vợ là Vi Thị Thuý địa chỉ thường trú: Thôn 7 (thôn 4 Cư Elang cũ), xã Ea Ôr, tỉnh Đắk Lắk													112.404.506	
1.1	Hỗ trợ về đất													0	
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 4/9	2009	m2	11.047,5	11.047,5								0	
1.2	Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất													112.404.506	
	I. Phạm vi theo ranh thu hồi năm 2021														
1	Cao su trồng năm 2010 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		200,0	200,0		379.300		100%	100%	60%	45.516.000	
2	Cao su trồng năm 2010 loại B chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây	100,0	100,0			303.400		100%	100%	60%	18.204.000	
3	Cao su trồng năm 2010 loại C chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây	74,0	74,0			212.400		100%	100%	60%	9.430.560	
4	Keo lai dăm hom phân tán trồng năm 2010 chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		4,0	4,0		57.576		100%	80%	60%	110.546	Áp với mật độ keo lai 2.200 cây/ha tại QĐ19/2021
	II. Phạm vi từ ranh thu hồi năm 2021 đến ranh 344														
5	Cao su trồng năm 2010 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		11,0	11,0		379.300		100%	100%	60%	2.503.380	
	III. Ranh mở rộng														
6	Cao su trồng năm 2010 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		117,0	117,0		379.300		100%	100%	60%	26.626.860	
7	Cao su trồng năm 2010 loại B chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây	45,0	45,0			303.400		100%	100%	60%	8.191.800	
8	Cao su trồng năm 2010 loại C chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		5,0	5,0		212.400		100%	100%	60%	637.200	
9	Nhãn thường trồng năm 2012 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		2,0	2,0		1.233.500		100%	80%	60%	1.184.160	

IV	THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 278/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:														
STT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỷ lệ phần trăm còn lại (%)	Ti lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chỉnh/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hộ ông: Lương Văn Nghi vợ là Vi Thị Thuý địa chỉ thường trú: Thôn 7 (thôn 4 Cư Elang cũ), xã Ea Ôr, tỉnh Đắk Lắk													149.805.244	Điều chỉnh theo bản án
1.1	Hỗ trợ về đất													0	
	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 4/9	2009	m2	11.047,5	11.047,5								0	
1.2	Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất													149.805.244	
	I. Phạm vi theo ranh thu hồi năm 2021														
1	Cao su trồng năm 2010 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		200,0	200,0		379.300		100%	100%	80%	60.688.000	
2	Cao su trồng năm 2010 loại B chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		100,0	100,0		303.400		100%	100%	80%	24.272.000	
3	Cao su trồng năm 2010 loại C chuẩn mật độ	Thửa 4/9		cây		74,0	74,0		212.400		100%	100%	80%	12.574.080	

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk
(Thực hiện theo Bản án hành chính số 26/2026/HC-PT, ngày 9/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hành chính số 104/2025/HC-ST, ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Lương Văn Nghi)

Kèm theo phương án số /PA ngày 29/7/2026 của UBND xã Ea Ô

4	Keo lai dăm hom phân tán trồng năm 2010 chuẩn mật độ	Thửa 4/9	cây	4,0	4,0	31.236	100%	80%	80%	79.964
II. Phạm vi từ ranh thu hồi năm 2021 đến ranh 344										-
5	Cao su trồng năm 2010 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9	cây	11,0	11,0	379.300	100%	100%	80%	3.337.840
III. Ranh mở rộng										-
6	Cao su trồng năm 2010 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9	cây	117,0	117,0	379.300	100%	100%	80%	35.502.480
7	Cao su trồng năm 2010 loại B chuẩn mật độ	Thửa 4/9	cây	45,0	45,0	303.400	100%	100%	80%	10.922.400
8	Cao su trồng năm 2010 loại C chuẩn mật độ	Thửa 4/9	cây	5,0	5,0	212.400	100%	100%	80%	849.600
9	Nhãn thương trồng năm 2012 loại A chuẩn mật độ	Thửa 4/9	cây	2,0	2,0	1.233.500	100%	80%	80%	1.578.880

TT	Loại đất	Đơn vị	Diện tích
1	Đất trồng cây lâu năm	m2	11.047,5
Tổng diện tích thu hồi		m2	11.047,5
Số tiền bồi thường, hỗ trợ là:			
TT	Hạng mục	Đơn vị	Số tiền
1	Hỗ trợ về đất (Thực hiện theo bản án)	đồng	176.760.000
2	Hỗ trợ về cây trồng (thực hiện theo bản án)	đồng	149.805.244
3	Tổng số tiền hộ ông Lương Văn Nghi lập lại theo bản án	đồng	326.565.244
4	Số tiền đã được phê duyệt tại QĐ 461	đồng	110.475.000
5	Số tiền đã được phê duyệt tại QĐ 278	đồng	112.404.506
6	Số tiền chênh lệch	đồng	103.685.738